

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý các hoạt động khai thác
và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31/3/2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Căn cứ Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1827/TTr-SNN ngày 27/8/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2009/QĐ-UBND ngày 23/4/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý các hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Long An.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các Sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tổng cục Thủy sản;
- Cục KTVB QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các P.CTUBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phòng NC-KT;
- Lưu: VT, SNN, An.

QĐ-QUY ĐỊNH-BVNL THUY SAN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

QUY ĐỊNH

**Quản lý các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản
trên địa bàn tỉnh Long An**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy định này quy định việc quản lý các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các vùng nước trên địa bàn tỉnh Long An.
2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Khai thác thủy sản ở sông, kênh, rạch và các vùng nước tự nhiên khác phải đảm bảo không làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Khai thác thủy sản phải gắn liền tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.
2. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản phải kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Đảm bảo hài hòa lợi ích của các ngành, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển thủy sản của địa phương.
3. Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản là yêu cầu cấp thiết trước mắt và lâu dài, là sự nghiệp của toàn xã hội, là quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, toàn dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nguồn lợi thủy sản* là tài nguyên sinh vật trong vùng nước tự nhiên, có giá trị kinh tế, khoa học để phát triển nghề khai thác thủy sản, bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản.
2. *Khai thác thủy sản* là việc tiến hành khai thác nguồn lợi thủy sản trên biển, sông, hồ, đầm, phá và các vùng nước tự nhiên khác.
3. *Tái tạo nguồn lợi thủy sản* là quá trình tự phục hồi hoặc hoạt động làm phục hồi, gia tăng nguồn lợi thủy sản.
4. *Thủy sinh vật ngoại lai* là loài thủy sinh vật được du nhập từ nước ngoài vào lãnh thổ của Việt Nam.
5. *Kích thước mắt lưới* là số đo khoảng cách hai điểm giữa của hai gút lưới đối diện của mắt lưới hình thoi được kéo căng theo chiều dọc, ký hiệu là 2a, đơn vị tính là mm.

6. *Chất gây mê* là chất hóa học gây kích thích các loài thủy sản mất khả năng hô hấp, bài tiết...

7. *Môi thuốc dẫn dụ* là môi nhử được chế biến có tác dụng kích thích vào giác quan của các loài thủy sản nhằm thu hút tập trung chúng lại để khai thác, đánh bắt.

8. *Tàu cá* là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác chuyên dùng cho khai thác, nuôi trồng, bảo quản, chế biến thủy sản.

9. *Hoạt động thủy sản* là việc tiến hành khai thác, nuôi trồng, vận chuyển thủy sản khai thác; bảo quản, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản; dịch vụ trong hoạt động thủy sản; điều tra, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Chương II

QUẢN LÝ KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 4. Những hành vi khai thác thủy sản bị cấm

1. Sử dụng chất nổ, hóa chất độc hại, chất gây mê, môi thuốc dẫn dụ, thực vật có độc tố; sử dụng xung điện dưới mọi hình thức và các công cụ đánh bắt, khai thác có tính chất tàn diệt.

2. Sử dụng ngư cụ đánh bắt thủy sản có kích thước mắt lưới nhỏ hơn kích thước mắt lưới quy định tại phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Khai thác các loài thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định tại phụ lục II kèm theo Quy định này.

4. Khai thác cá con (cá rô non, cá ròng rọc,...), khai thác thủy sản bố mẹ đang thời kỳ sinh sản nuôi con.

Điều 5. Các loại nghề, đối tượng khai thác thủy sản bị cấm

1. Tàu cá làm nghề cào khung không được phép hoạt động khai thác thủy sản ở vùng cửa sông, sông, kênh, rạch.

2. Khai thác những đối tượng cấm khai thác và cấm khai thác có thời hạn được quy định tại phụ lục III, phụ lục IV kèm theo Quy định này.

Điều 6. Vùng cấm khai thác thủy sản, thời gian cấm khai thác thủy sản

1. Tàu cá khai thác thủy sản không được phép hoạt động tại các khu bảo tồn nội địa, trong khu vực Nhà nước quy hoạch nuôi cá lồng, bè (trừ hoạt động thu hoạch của cơ sở nuôi). Vùng quy hoạch nuôi thủy sản do tỉnh phê duyệt.

2. Nghiêm cấm hoạt động khai thác thủy sản trên các tuyến kênh rạch nội đồng làm ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến việc cấp nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản.

Điều 7. Giấy phép khai thác thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản tại các vùng nước trên địa bàn tỉnh phải có giấy phép khai thác thủy sản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp. Trừ trường hợp cá nhân khai thác thủy sản bằng tàu cá có trọng tải dưới 0,5 tấn hoặc không sử dụng tàu cá.

2. Nội dung, điều kiện cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép khai thác thủy sản phải được thực hiện đúng theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chi cục Thủy sản là cơ quan cấp giấy phép khai thác thủy sản trên địa bàn của tỉnh Long An.

Điều 8. Quản lý hoạt động đáy sông

Tổ chức, cá nhân hoạt động nghề đáy sông phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện) quản lý và cấp giấy phép hoạt động đáy sông đóng trên địa bàn mình quản lý.

Điều 9. Tổ chức hội nghề nghiệp khai thác thủy sản

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản cùng loại nghề thành lập hội nghề nghiệp hoặc ban quản lý cộng đồng, tổ hợp tác theo đúng quy định pháp luật.

Chương III

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 10. Bảo vệ nguồn lợi thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khi tham gia vào hoạt động thủy sản phải đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 của Quy định này.

2. Nghiêm cấm các hoạt động khai thác, tiêu thụ, chế biến, vận chuyển các loài thủy sản quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cần bảo vệ, bảo tồn và phát triển theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân khi xây dựng mới, thay đổi hoặc phá bỏ các công trình có liên quan đến môi trường sống, di cư, sinh sản của các loài thủy sản phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản bằng đặt dăng, đáy hoặc bằng phương pháp ngăn, chắn ở các sông phải dành hành lang cho các loài thủy sản di chuyển.

3. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động thủy sản phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và các hoạt động khác.

Điều 12. Bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản

1. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thực hiện việc bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu khoa học, tham gia thả giống thủy sản vào môi trường tự nhiên và tạo ra các vùng cư trú nhân tạo nhằm phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tự ý du nhập, thả, phóng sinh các loài thủy sinh vật ngoại lai vào các vùng nước tự nhiên, khu bảo tồn nội địa.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở ngành và các tổ chức đoàn thể tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đầu mối giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

a) Tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo đúng quy định của pháp luật.

b) Lập kế hoạch điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản. Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung những đối tượng cấm khai thác và đối tượng cấm khai thác có thời hạn, khu vực cấm khai thác có thời hạn trong năm.

c) Phát động tổ chức, cá nhân thả giống thủy sản về môi trường tự nhiên nhằm tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

d) Phối hợp các ngành chức năng trong thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

đ) Định kỳ, đột xuất báo cáo về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định.

2. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối kinh phí thực hiện công tác quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho ngư dân nghèo sử dụng nghề cấm để khai thác thủy sản.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đánh giá tác động, ảnh hưởng của các loại nghề khai thác thủy sản tầng đáy đối với vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Long An tổ chức tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

6. Công an tỉnh tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng công cụ cấm để khai thác thủy sản theo đúng quy định pháp luật.

7. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường tuần tra, kiểm tra các hoạt động thủy sản trên các tuyến biên giới của tỉnh đảm bảo đúng quy định pháp luật.

8. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tăng cường công tác kiểm soát vật liệu nổ, kịp thời ngăn chặn việc sử dụng chất nổ trong khai thác thủy sản.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Long An và các tổ chức đoàn thể phối hợp các cấp chính quyền và các ngành chức năng trong công tác tuyên truyền, giáo dục để người dân thực hiện tốt quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

10. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chịu trách nhiệm triển khai quản lý các hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý. Xem xét cấm khai thác thủy sản trên các tuyến kênh rạch nội đồng làm ô nhiễm môi trường nước, ảnh hưởng đến việc cấp nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản.

b) Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tăng cường tổ chức kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định về quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, phổ biến đến ngư dân và các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nội dung Quy định này sẽ được xét khen thưởng, biểu dương theo quy định chung. Các tổ chức, cá nhân nào vi phạm Quy định này tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai, phổ biến và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định này và các quy định pháp luật về thủy sản có liên quan.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục I
Quy định kích thước tối thiểu cho từng loại ngư cụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 /9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Ngư cụ	Kích thước mắt lưới 2a (mm), không nhỏ hơn
1	Lưới vây (lưới giựt, bao cá...)	18
2	Lưới kéo (thủ công, cơ giới)	20
3	Lưới kéo cá cơm	10
4	Lưới rê (lưới bén)	40
	Lưới rê (cá cơm)	10
	Lưới rê (cá linh)	15
5	Vó (càng, gặt...)	20
6	Chài các loại	15
7	Đăng	18
8	Đáy	18

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục II

**Kích thước tối thiểu của một số loài thủy sản có giá trị kinh tế
ở các vùng nước tự nhiên được phép khai thác (2 môm đến chẽ vây đuôi)**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 /9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Chiều dài nhỏ nhất cho phép khai thác (mm)
1	Cá chép	<i>Cyprinus carpio</i>	150
2	Cá trôi	<i>Cirrhina molitorella</i>	220
3	Cá chày đất	<i>Spinibarbus caldwelli</i>	150
4	Cá bống	<i>Spinibarpichthys denticulatus</i>	400
5	Cá trắm đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i>	400
6	Cá trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idellus</i>	450
7	Cá mè trắng	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i>	300
8	Lươn	<i>Monopterus albus</i>	360
9	Cá rầm xanh	<i>Bangana lemassoni</i>	130
10	Cá chiên	<i>Bagarius rutilus</i>	450
11	Cá lăng chấm	<i>Hemibagrus guttatus</i>	560
12	Cá tra	<i>Pangasiannodon hypophthalmus</i>	300
13	Cá viên	<i>Megalobrama terminalis</i>	230
14	Cá lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>	380
15	Cá trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i>	200
16	Cá trê trắng	<i>Clarias batrachus</i>	200
17	Cá sặc rằn	<i>Trichogaster pectoralis</i>	100
18	Cá bống tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>	200
19	Cá thát lát	<i>Notopterus Notopterus</i>	200
20	Cá rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>	80
21	Cá chạch sông	<i>Mastacembelus armatus</i>	200
22	Cá lóc	<i>Channa striata</i>	220
23	Cá mè vinh	<i>Barbonymus gonionotus</i>	100
24	Cá chài	<i>Leptobarbus hoevenii</i>	200

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục III

Các loài thủy sản bị cấm khai thác

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 /9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Cá chình mun	<i>Anguilla bicolor pacifica</i>
2	Cá anh vũ	<i>Semilabeo notabilis</i>
3	Cá tra dầu	<i>Pangasianodon gigas</i>
4	Cá hô	<i>Catlocarpio siamensis</i>
5	Cá chìa vôi sông	<i>Proteracanthus sarissophorus</i>
6	Cá cháy	<i>Tenualosa toli</i>
7	Cá trà sóc (cá sọc dưa)	<i>Probarbus jullieni</i>

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên

Phụ lục IV

Các loài thủy sản bị cấm khai thác có thời hạn trong năm
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 /9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Thời gian cấm khai thác
1	Cá lóc	<i>Channa striata</i>	Từ 1/4 đến 1/6 hàng năm
2	Cá sặc rằn	<i>Trichogaster pectoralis</i>	
3	Cá lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>	
4	Cá rô đồng	<i>Anabas testudineus</i>	
5	Cá trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i>	
6	Cá thát lát	<i>Notopterus Notopterus</i>	
7	Cá linh ông	<i>Cirrhinus siamensis</i>	Từ 1/4 đến 31/8
8	Cá linh thùy	<i>Cirrhinus lobatus</i>	
9	Cá bống tượng	<i>Oxyeleotris marmorata</i>	Từ 1/5 đến 30/9
10	Tôm càng xanh	<i>Macrobrachium rosenbergii</i>	Từ 1/4 đến 31/6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nguyên